TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 6 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Minh P, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà G, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ liên lạc: số E, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn B, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà G, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Minh P trình bày:

Bà P và ông Đặng Văn B đăng ký kết hôn ngày 01/12/1994 tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 do không cùng quan điểm, bất đồng ý kiến, sống ly thân từ tháng 12/2022. Bà P nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn với ông B.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đặng Tuấn A, sinh ngày 12/5/1996; Đặng Duy A1, sinh ngày 01/8/2000. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2023, ông Đặng Văn B trình bày:

Ông B và bà P có đăng ký kết hôn như bà P trình bày là đúng. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống từ năm 2021. Ông B đồng ý ly hôn với bà P.

Vợ chồng có hai con chung Đặng Tuấn A, sinh ngày 12/5/1996; Đặng Duy A1, sinh ngày 01/8/2000. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Ông B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông B tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà P là người có quyền khởi kiện ông B tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà P và ông B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V vào ngày 01/12/1994. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn theo cả hai xác định do không cùng quan điểm sống và đồng ý ly hôn với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà P, ông B không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà P, ông B muốn chung sống cùng nhau. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc ly hôn ông B.

[3] Bà P, ông B có hai con chung là Đặng Tuấn A, sinh ngày 12/5/1996; Đặng Duy A1, sinh ngày 01/8/2000 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Án phí: Buộc bà Trương Thị Minh P nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh P.

- Bà Trương Thị Minh P và ông Đặng Văn B ly hôn với nhau.

- Về con chung: Hai con chung Đặng Tuấn A, sinh ngày 12/5/1996; Đặng Duy A1, sinh ngày 01/8/2000 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Trương Thị Minh P nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001861 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bà Trương Thị Minh P không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND Phường 4, TPVL: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân